

CÁC TIÊU THỨC PHẢN ẢNH CHẤT LƯỢNG SỐ LIỆU THỐNG KÊ VÀ MỐI LIÊN HỆ VỚI NGUYÊN TẮC CƠ BẢN CỦA THỐNG KÊ CHÍNH THỨC

ThS. Nguyễn Bích Lâm
Viện Khoa học Thống kê

Trong những năm gần đây, ngành Thống kê luôn quan tâm tới việc đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người dùng tin và nâng cao chất lượng của số liệu thống kê. Báo cáo thống kê về tình hình kinh tế xã hội hàng tháng trở thành tài liệu chính thức trong các kỳ họp của Chính phủ. Vấn đề chất lượng số liệu luôn được đặt ra khi sử dụng, nhưng thực tế đa số người dùng tin chưa hiểu một cách đầy đủ thế nào là chất lượng của số liệu thống kê? Để tạo ra số liệu, cơ quan Thống kê phải tuân thủ những nguyên tắc gì? Bài viết này sẽ giới thiệu định nghĩa, các tiêu thức phản ánh chất lượng số liệu thống kê và mười nguyên tắc cơ bản của thống kê chính thức.

1. Chất lượng số liệu thống kê

Định nghĩa chính thức về chất lượng số liệu do cơ quan Thống kê quốc gia của các nước trong Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD) đưa ra vào giữa thập kỷ 90 của thế kỷ trước và họ định nghĩa: "*Chất lượng của số liệu thống kê là sự phù hợp cho sử dụng của khách hàng*"⁽¹⁾. Định nghĩa đưa ra quá chung chung và trừu tượng, các nhà Thống kê đã cụ thể và chi tiết hóa định nghĩa này qua sáu tiêu thức phản ánh chất lượng số liệu sau đây:

a. Tính phù hợp: Tính phù hợp của số liệu thống kê được thể hiện qua mức độ đáp ứng nhu cầu thông tin của người sử dụng. Đánh giá mức độ phù hợp của số liệu thống kê phụ thuộc vào nhu cầu khác nhau và hay

thay đổi của người dùng tin. Cơ quan Thống kê không thể đáp ứng tất cả nhu cầu của người dùng tin, mà phải xác định những loại số liệu nào cần biên soạn nhằm giải quyết bất cập giữa nhu cầu thông tin đa dạng với nguồn lực có hạn để sao cho đáp ứng tối đa nhu cầu của người sử dụng.

b. Tính chính xác: Tính chính xác của số liệu thể hiện qua mức độ *phản ánh sát thực* các hiện tượng kinh tế, xã hội của các chỉ tiêu thống kê. Không thể đòi hỏi số liệu thống kê *phản ánh đúng* hiện tượng vì thông tin thống kê dùng để tính toán luôn chứa đựng sai số hệ thống và sai số ngẫu nhiên. Những sai số ảnh hưởng đến tính chính xác của số liệu thống kê diễn ra trong quá trình thu thập thông tin như: phạm vi thu thập, cách lấy mẫu và trong quá trình tính toán, v.v...

c. Tính kịp thời: Tính kịp thời của số liệu thống kê biểu thị độ trễ về thời gian giữa thời kỳ hay thời điểm số liệu thống kê phản ánh với thời điểm công bố số liệu. Luôn có sự đánh đổi giữa tính chính xác và tính kịp thời của số liệu thống kê, yêu cầu số liệu càng nhanh thì độ chính xác của số liệu càng kém. Nói cách khác, tính kịp thời luôn ảnh hưởng tới tính chính xác của số liệu thống kê.

Hiện nay vào khoảng ngày 25 của tháng cuối quý, Tổng cục Thống kê phải cung cấp số liệu về tổng sản phẩm trong nước (GDP) của quý đó phục vụ cho phiên

hợp Chính phủ. Vào thời điểm hoạt động sản xuất của quý chưa kết thúc, thông tin về kết quả sản xuất mới chỉ dưới dạng ước tính, do vậy chất lượng của chỉ tiêu GDP quý sẽ không cao. Ngay cả các nước phát triển cũng như các nước trong khu vực, số liệu về GDP quý được công bố lần đầu sau 6 tuần tính từ thời điểm kết thúc quý.

d. Khả năng tiếp cận: Khả năng tiếp cận của số liệu thống kê thể hiện mức độ dễ dàng để có được số liệu từ cơ quan Thống kê. Khả năng tiếp cận thể hiện ở hai khía cạnh: Mức độ dễ dàng để có thể xác minh số liệu thống kê cần có; tính phù hợp của các phương thức tiếp cận số liệu.

e. Khả năng giải thích: Khả năng giải thích của số liệu thống kê phản ánh mức độ sẵn có của những thông tin bổ sung và các bằng giải trình cần thiết để giúp cho người dùng tin hiểu và sử dụng số liệu một cách chính xác và hợp lý, bao gồm: khái niệm của chỉ tiêu; các phương pháp phân loại đang áp dụng; phương pháp thu thập và xử lý thông tin; phương pháp luận dùng trong tính toán chỉ tiêu và chỉ rõ mức độ chính xác của số liệu và thông tin thống kê.

f. Tính chặt chẽ: Tính chặt chẽ của số liệu thống kê phản ánh mức độ kết hợp số liệu từ các nguồn khác nhau để đưa vào cùng một lược đồ số liệu rộng hơn theo thời gian. Vì vậy tính chặt chẽ đòi hỏi cơ quan Thống kê phải sử dụng thống nhất các khái niệm, phân loại chuẩn và phương pháp luận trong toàn bộ hệ thống thống kê.

Sáu tiêu thức phản ánh chất lượng số liệu thống kê có mối quan hệ qua lại và tác động lẫn nhau. Cho đến nay các nhà Thống kê chưa tìm ra một mô hình hiệu quả để gộp tất cả những nét đặc trưng của sáu tiêu thức

nêu trên vào một chỉ tiêu duy nhất. Để đảm bảo chất lượng của số liệu, cơ quan Thống kê quốc gia đưa ra các biện pháp quản lý phù hợp với từng tiêu thức. Bất kỳ một hoạt động nào tác động vào một tiêu thức sẽ ảnh hưởng tới các tiêu thức còn lại. Hiện nay cơ quan Thống kê một số nước thuộc OECD đã xây dựng khung quản lý chất lượng liên quan tới sáu tiêu thức phản ánh nêu trên.

• **Quản lý tính phù hợp:** Trước hết, cơ quan Thống kê quốc gia phải xác định những loại số liệu thống kê nào cần biên soạn phục vụ cho người dùng tin, đồng thời xác định và phân bổ nguồn lực cho từng hoạt động thống kê. Cần có kế hoạch rà soát định kỳ nhu cầu của người sử dụng để điều chỉnh số liệu thống kê đầu ra nhằm loại trừ việc cung cấp những số liệu người dùng tin không cần và không có số liệu người sử dụng quan tâm. Khi điều chỉnh, phải lưu ý tới yếu tố kinh phí và sự phụ thuộc qua lại lẫn nhau giữa các nguồn thông tin đầu vào để biên soạn các chỉ tiêu đầu ra. Chẳng hạn thông tin đầu vào để tính chỉ tiêu doanh số bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng xã hội cũng là thông tin đầu vào để tính chỉ tiêu tiêu dùng cuối cùng về hàng hóa và dịch vụ của hộ gia đình.

• **Quản lý tính chính xác:** Chất lượng thông tin đầu vào quyết định tính chính xác của số liệu thống kê. Hiện nay, điều tra là kênh thông tin chủ yếu vì vậy quản lý chất lượng thông tin đầu vào phải đặc biệt quan tâm tới ba giai đoạn của quá trình điều tra: Thiết kế chương trình; thực hiện điều tra và đánh giá chất lượng số liệu điều tra.

Khi thiết kế chương trình điều tra trước hết cần lưu ý tới sự đánh đổi giữa tính chính xác, yếu tố chi phí, tính kịp thời và gánh nặng của đối tượng điều tra. Vì vậy khi

quyết định các loại thông tin cần thu thập qua điều tra, các nhà thiết kế phải biết tận dụng những thông tin đã có từ hồ sơ hành chính và từ các cuộc điều tra khác để giảm thiểu thông tin trùng lặp.

Chất lượng của thông tin thu được từ điều tra phụ thuộc vào nhiều yếu tố như: Thiết kế chương trình; các công cụ sử dụng trong điều tra và cơ chế giám sát việc thực hiện điều tra - đây là yếu tố rất quan trọng. Các giám sát viên điều tra cần nắm bắt những vấn đề nảy sinh để xử lý kịp thời trong quá trình thực hiện điều tra.

Đánh giá chất lượng số liệu điều tra thường thực hiện qua 4 khía cạnh sau: Đánh giá phạm vi của cuộc điều tra và so sánh với tổng thể mục tiêu; đánh giá sai số mẫu, sai số chuẩn hay hệ số biến thiên; đánh giá tỷ lệ không trả lời và các yếu tố khác ảnh hưởng tới chất lượng, tính phù hợp của kết quả điều tra.

• *Quản lý tính kịp thời:* Cơ quan Thống kê đưa ra thời điểm công bố số liệu dựa trên tính toán về sự đánh đổi với tính chính xác và tổng chi phí để thu thập, biên soạn và qua tìm hiểu người sử dụng xem họ thích có số liệu công bố chậm hơn nhưng với độ chính xác cao hơn hay họ thích có số liệu sớm hơn với độ chính xác kém hơn. Tính kịp thời là một đặc trưng quan trọng của số liệu thống kê, do vậy cần giám sát đặc trưng này theo thời gian đối với tất cả các hoạt động thống kê.

Một biện pháp quản lý tính kịp thời của số liệu đó là cơ quan Thống kê *thông báo trước thời điểm công bố các loại số liệu.* Bằng cách này, người dùng tin sẽ chủ động được kế hoạch của họ và cũng *ngắm đặt ra một cam kết nội bộ* để cơ quan Thống kê

thực hiện theo cam kết đã thông báo. Điều này cũng ngăn ngừa các đối tượng có liên quan dự định dùng ảnh hưởng của mình đẩy lùi thời điểm công bố số liệu để phục vụ cho lợi ích riêng của họ.

Rà soát và đánh giá định kỳ để tìm ra những tồn tại về số lượng, phương thức tổ chức thực hiện các hoạt động thống kê, nguồn lực và cách phân bổ nguồn lực cũng là biện pháp quản lý tính kịp thời của số liệu thống kê. Ngày nay với những kỹ thuật mới phát triển, đặc biệt là tin học góp phần nâng cao tính kịp thời của số liệu thống kê.

• *Quản lý khả năng tiếp cận:* Nếu người sử dụng không biết có những loại số liệu thống kê gì, không biết thông tin ở đâu và làm thế nào để tiếp cận được, khi đó số liệu thống kê không có giá trị. Vì vậy, cơ quan Thống kê phải đưa ra chính sách và hệ thống phù hợp để phổ biến số liệu, đồng thời đảm bảo tất cả sản phẩm thống kê phải có trong hệ thống danh mục sản phẩm của ngành. Cơ quan Thống kê cũng xác định những loại số liệu nào sẽ được cung cấp miễn phí cho người sử dụng qua các phương tiện thông tin đại chúng như: trang Web, hợp báo, internet, hệ thống thư viện,...

• *Quản lý khả năng giải thích:* Nếu người sử dụng không hiểu hoặc hiểu sai số liệu thống kê, khi đó số liệu không có giá trị hoặc trở nên bất lợi. Vì vậy, cơ quan Thống kê cần giải thích cho người sử dụng hiểu rõ các loại số liệu thống kê hiện có. Với ý nghĩa đó, quản lý khả năng giải thích số liệu thống kê liên quan tới việc cung cấp những thông tin để làm rõ số liệu, bao gồm:

- Các khái niệm, phân loại hiện đang áp dụng để biên soạn số liệu;

- Phương pháp thu thập và tính toán số liệu;

- Đánh giá tính chính xác của số liệu.

• *Quản lý tính chặt chẽ*: Tính chặt chẽ của số liệu thống kê được thể hiện qua tính hợp lý giữa các loại số liệu khác nhau tại cùng một thời điểm, tính hợp lý của cùng một loại số liệu giữa các thời điểm và tính tương thích với số liệu thống kê quốc tế. Vì vậy, có ba yêu cầu cần tuân thủ để quản lý tính chặt chẽ:

- Xây dựng và sử dụng các lược đồ, khái niệm, phân loại chuẩn cho tất cả các thống kê chuyên ngành. Điều này đảm bảo tính thống nhất trong tính toán của toàn bộ hệ thống thống kê;

- Quy trình tính toán phải đảm bảo tính thống nhất giữa các nguồn số liệu. Việc xây dựng và sử dụng các lược đồ, phương pháp luận và hệ thống thu thập số liệu chung sẽ đảm bảo yêu cầu này;

- Phân tích, so sánh và tổng hợp số liệu từ các nguồn khác nhau và theo các thời điểm khác nhau. Thực hiện yêu cầu này sẽ phát hiện và khắc phục sự bất hợp lý của các nguồn số liệu.

2. Các nguyên tắc của thống kê chính thức và mối liên hệ với tiêu thức chất lượng

Nguyên tắc 1: “*Thống kê chính thức cung cấp các yếu tố không thể thiếu trong hệ thống thông tin của một xã hội dân chủ phục vụ cho Chính phủ, nền kinh tế và công chúng với những thông tin về tình hình kinh tế, nhân khẩu, xã hội và môi trường. Số liệu do các cơ quan thống kê chính thức biên soạn được kiểm chứng qua thực tế sử dụng và công bố trên cơ sở vô tư, đáp ứng quyền tiếp cận thông tin công khai của công dân*”.

Nguyên tắc 1 liên quan tới tiêu thức về *tính phù hợp, vô tư và công bằng trong tiếp cận thông tin* thống kê. Có thể dùng một số câu hỏi sau để đánh giá mức độ tôn trọng và thực hiện nguyên tắc này của cơ quan Thống kê: Có hay không Hội đồng sử dụng số liệu thống kê; cơ quan Thống kê có thường xuyên nhận được ý kiến phản hồi của người dùng tin về mức độ thỏa mãn của họ đối với số liệu thống kê; có chính sách phổ biến số liệu thống kê hay không; cơ quan Thống kê quốc gia có chịu sự can thiệp về chính trị khi biên soạn số liệu; số liệu thống kê có công bố cho tất cả người dùng tin vào cùng một thời điểm không, v.v...

Ở nhiều nước, Hội đồng những người sử dụng số liệu thống kê sẽ là một tổ chức bày tỏ nhu cầu thông tin của họ đối với cơ quan Thống kê và qua Hội đồng dễ dàng đánh giá được tính phù hợp của số liệu thống kê. Số liệu thống kê được công bố cho tất cả người dùng tin vào cùng một thời điểm thể hiện quyền tiếp cận thông tin một cách công khai và vô tư của công dân.

Nguyên tắc 2: “*Để giữ tính trung thực của thống kê chính thức, các quyết định của cơ quan Thống kê phải tuân thủ những nguyên tắc nghề nghiệp bao gồm nguyên tắc khoa học, nguyên tắc nghề nghiệp về phương pháp và quy trình thu thập, xử lý, lưu trữ và trình bày số liệu thống kê*”.

Nguyên tắc 2 liên quan tới *Tiêu chuẩn và đạo đức nghề nghiệp* của cán bộ thống kê. Để đánh giá mức độ tuân thủ của cơ quan Thống kê đối với nguyên tắc này, có thể sử dụng một số thông tin sau: Số lượng, kỹ năng và kinh nghiệm của đội ngũ cán bộ thống kê nhằm đáp ứng yêu cầu của công việc; cơ quan Thống kê có những quy định

về đạo đức nghề nghiệp cho cán bộ thống kê không; liệu chăng cơ quan Thống kê quốc gia chịu sự can thiệp chính trị về phương pháp luận và thiết kế điều tra; kinh phí đào tạo nâng cao nghiệp vụ cho cán bộ thống kê có phù hợp không.

Nguyên tắc 3: “*Để thuận tiện trong việc giải thích chính xác số liệu, cơ quan Thống kê phải trình bày thông tin theo chuẩn mực khoa học về nguồn, phương pháp và quy trình thống kê*”.

Nguyên tắc 3 phản ánh tinh thần *trách nhiệm và tính công khai* của cơ quan Thống kê. Những thông tin dùng để đánh giá mức độ thực hiện nguyên tắc bao gồm: Cơ quan Thống kê có chỉ rõ nguồn thông tin và chất lượng của nguồn thông tin dùng để tính toán các chỉ tiêu thống kê hay không; có hay không phần giải thích trong các ấn phẩm thống kê. Những thông tin này thể hiện tính công khai về chất lượng của “nguyên liệu đầu vào” trong quy trình “sản xuất” số liệu thống kê.

Nguyên tắc 4: “*Cơ quan Thống kê phải chịu trách nhiệm đối với những chỉ trích do giải thích sai và sử dụng không đúng số liệu thống kê*”.

Nguyên tắc này *ngăn ngừa việc sử dụng sai* do không hiểu đúng nội dung số liệu thống kê và liên quan tới tiêu thức khả năng giải thích. Thực hiện nguyên tắc này, cơ quan Thống kê nên biên soạn tài liệu, các ấn phẩm đề cập tới khái niệm, định nghĩa, nội dung và tóm tắt phương pháp tính các chỉ tiêu thống kê để cung cấp cho người dùng tin. Đồng thời cơ quan Thống kê nên thực hiện các khoá đào tạo ngắn hạn hoặc phổ biến kiến thức qua phương tiện thông tin đại chúng cho người sử dụng.

Trong thời gian qua, Tổng cục Thống kê đã thực hiện khá tốt nguyên tắc này thể hiện qua việc đã tổ chức thường xuyên các cuộc họp báo nhằm công bố, thông báo và giải thích nội dung các chỉ tiêu thống kê cho người dùng tin. Tổng cục Thống kê đã xuất bản các ấn phẩm giúp cho người sử dụng số liệu hiểu nội dung các thuật ngữ thống kê,...

Nguyên tắc 5: “*Thông tin cho mục đích thống kê có thể sử dụng từ tất cả các nguồn: điều tra thống kê hay hồ sơ hành chính. Khi lựa chọn nguồn thông tin, cơ quan Thống kê phải cân nhắc tới yếu tố chất lượng, tính kịp thời, chi phí và gánh nặng đối với đơn vị cung cấp thông tin*”.

Nguyên tắc 5 đề cập tới *nguồn thông tin của thống kê chính thức*. Có thể dùng một số câu hỏi sau để đánh giá mức độ thực hiện nguyên tắc này: cơ quan Thống kê có tiếp cận được thông tin từ hồ sơ hành chính không; cơ quan Thống kê có cải tiến công việc một cách hệ thống nhằm giảm bớt gánh nặng cho các đối tượng cung cấp thông tin và nâng cao tính kịp thời của số liệu thống kê không.

Nguyên tắc 6: “*Cơ quan Thống kê thu thập số liệu về cá nhân dùng cho mục đích thống kê phải tuyệt đối giữ bí mật và không dùng cho các mục đích khác ngoài mục đích thống kê*”.

Nguyên tắc này liên quan tới *tính bảo mật* của thông tin thống kê đầu vào. Để người cung cấp thông tin sẵn sàng hợp tác với cơ quan Thống kê, điều kiện tiên quyết đối với cơ quan Thống kê đó là phải tuyệt đối giữ bí mật thông tin cá nhân của người cung cấp. Thông tin cá nhân chỉ dùng cho mục đích thống kê và không có giá trị cho

các mục đích khác như đánh thuế, giải quyết tranh chấp, v.v.

Có thể dùng một số thông tin sau để đánh giá mức độ thực hiện nguyên tắc này: cơ quan Thống kê có các quy định nhằm ngăn cản việc tiết lộ thông tin cá nhân; trong thực tế, những trường hợp nào cơ quan Thống kê cho phép người dùng tin tiếp cận thông tin vi mô cho mục đích thống kê.

Nguyên tắc 7: “*Luật, các quy định và biện pháp áp dụng trong hệ thống Thống kê phải công khai*”.

Các từ ngữ dùng trong nguyên tắc đã biểu thị chủ đề và yêu cầu của nó, đó là *Luật pháp*. Luật pháp và các quy định có liên quan luôn đòi hỏi công khai và được phổ biến tới chủ thể mà các văn bản pháp lý này điều chỉnh. Các thông tin có thể dùng để đánh giá mức độ thực hiện nguyên tắc bao gồm: Nhà nước đã ban hành Luật Thống kê chưa; trong các cuộc điều tra thống kê, đối tượng điều tra có được thông báo nội dung, mục đích của cuộc điều tra và quyền hạn của họ của trong cuộc điều tra; tỷ lệ các đối tượng có liên quan chấp hành những yêu cầu của cơ quan Thống kê theo Luật.

Nguyên tắc 8: “*Sự phối hợp giữa các cơ quan Thống kê trong nước có vai trò quan trọng để đạt được tính phù hợp và hiệu quả trong toàn bộ hệ thống thống kê*”.

Nguyên tắc 8 đề cập tới vai trò của *phối hợp quốc gia* trong hoạt động thống kê. Thông tin dùng để đánh giá mức độ thực hiện nguyên tắc này gồm: Ngoài cơ quan Thống kê quốc gia có còn các cơ quan Thống kê chính thức nào khác không; cơ quan Thống kê quốc gia có đưa ra quy trình phối hợp thu thập thông tin thống kê không; có đưa ra và sử dụng các chuẩn mực thống

kê như định nghĩa, phân loại, dàn mẫu, phương pháp luận ở tầm quốc gia không.

Nguyên tắc 9: “*Cơ quan Thống kê ở mỗi nước sử dụng các khái niệm, phân loại và phương pháp theo chuẩn mực quốc tế sẽ thúc đẩy tính phù hợp và hiệu quả của hệ thống thống kê ở tất cả các cấp*”.

Nguyên tắc 9 đề cập tới lợi ích của việc *sử dụng các chuẩn mực quốc tế* trong công tác thống kê. Thông tin dùng để đánh giá mức độ thực hiện nguyên tắc này gồm: hạch toán quốc gia, tổng điều tra, thống kê nhân khẩu học và thống kê xã hội đang áp dụng trong nước có theo chuẩn mực quốc tế không.

Nguyên tắc 10: “*Hợp tác song phương và đa phương trong thống kê góp phần hoàn thiện hệ thống thống kê chính thức ở tất cả các nước*”.

Nguyên tắc 10 đề cập tới vai trò của *hợp tác quốc tế* trong hoạt động thống kê. Để đánh giá mức độ thực hiện nguyên tắc này cần tìm hiểu thông tin trong 5 năm gần đây, cơ quan Thống kê quốc gia có thực hiện các dự án hợp tác quốc tế và kết quả hợp tác có hoàn thiện hệ thống thống kê chính thức không.

Các biện pháp quản lý chất lượng số liệu thống kê và những thông tin dùng đánh giá việc thực hiện các nguyên tắc cơ bản của thống kê chính thức đề cập trong bài này đều là định tính. Trong thực tế quản lý nâng cao chất lượng số liệu, các nhà Thống kê đưa ra những giải pháp cụ thể cho từng công đoạn của hoạt động sản xuất và công bố số liệu thống kê ■

(1) Statistics Canada's Quality Assurance Framework, 2002, trang 2.

Tài liệu tham khảo

1. Statistics Canada's Quality Assurance Framework, 2002, Catalogue no.12-586-XIE;

2. Fundamental Principles of Official Statistics (FPOS) comparison of UNSD questionnaire on FPOS to IMF DQAF;

3. International Monetary Fund, Data Quality Assessment Framework (DQAF) for National Accounts Statistics, July 2003;

4. World Bank, A Framework for Assessing the Quality of Income poverty Statistics, December 2001;

5. Country report on adoption of the fundamental principle, document of Workshop on Statistical Quality Management and Fundamental Principles of Official Statistics, 27 June - 1 July 2005, Republic of Korea.